

Bản án số: 255/2019/HSPT

Ngày 14 tháng 5 năm 2019

“Trần Văn T (Đ)

Giết người”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 651/2018/TLPT-HS ngày 14 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo Trần Văn T do bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo và người đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2018/HS-ST ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo: Trần Văn T (Tên gọi khác: Đ), sinh năm 1981 tại tỉnh N; Thường trú: Ô 19, DC 12, đường số 11, Khu phố 4, phường An Phú, thị xã T, tỉnh B; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông Trần Văn H1 và bà Trần Thị H2; Vợ Phạm Thị D, có 01 con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2015 đến ngày 25/01/2017 áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đến ngày 23/01/2018 đình chỉ áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Tạm giam từ ngày 24/01/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Văn Chiến và luật sư Trần Chí Kiêu đều thuộc Chi nhánh Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Hải Nam thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1985 (Vợ bị cáo); Trú Ô 19, DC 12, đường số 11, Khu phố 4, phường An Phú, thị xã T, tỉnh B.

Người bị hại: Ông Mai Văn T1, sinh năm 1984 (chết)

Người đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo:

- Bà Mai Thị H3, sinh năm 1988 (Vợ người bị hại); Trú Thôn 2, xã Hà Châu, huyện H, tỉnh T.

- Cụ Mai Văn T2, sinh năm 1956 và Tổng Thị H4, sinh năm 1957; Trú Thôn 2, xã Hà Châu, huyện H, tỉnh T (là cha mẹ của người bị hại và điều ủy quyền cho bà Mai Thị H3 đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 28/01/2016);

Ngoài ra còn có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Văn T1 thuê mặt bằng buôn bán kế bên nhà của Trần Văn T. Ngày 20/12/2015, T dùng dao chặt nhánh cây sa kê của T nhưng cành cây không gãy hẳn mà nằm trên mái tôn nhà của T1.

Khoảng 07 giờ ngày 21/12/2015, T đi ăn sáng về đến nhà thì gặp vợ T1 là Mai Thị H3 hỏi vì sao không đem cành cây xuống mà để như vậy làm hư mái nhà của H3 thì T trả lời để từ từ rồi dọn, nhưng sau đó H3 và T cự cãi lẫn nhau. Trong lúc cự cãi, H3 dùng 02 quả cà chua ném trúng người của T nên T nhặt cục gạch ném về phía H3 nhưng không trúng, H3 nhặt lại cục gạch ném về phía T nhưng cũng không trúng. Lúc này, T1 lấy đoạn gỗ dài khoảng 40 cm (chỗ rộng nhất 07 cm, nhỏ nhất 4,5 cm, dày 03 cm) đi đến đánh trúng vào tay trái của T thì T bỏ chạy và bị T1 đánh tiếp trúng vào lưng, còn H3 nhặt cục bê tông ném trúng vào tay trái của T. Lúc này T nhìn thấy trên sạp thịt bò của chị Nguyễn Thị L có con dao dài 29 cm, lưỡi bằng kim loại (dao thái thịt bò) nên T chạy đến lấy con dao này quay trở lại nơi T1 đang đứng trước quầy thuốc tây của nhà T để đánh nhau với T1. Khi T1 giơ đoạn gỗ lên định đánh T thì T giơ tay trái lên đỡ và tay phải cầm dao trong tư thế đối diện với T1 đâm một nhát trúng vào vùng bên phải bụng của T1 rồi rút dao ra chạy vào nhà T đóng cửa lại. Sau đó T điện thoại báo cho bảo vệ khu phố chờ T đi đầu thú.

Đối với Mai Văn T1 được đưa đi cấp cứu nhưng tử vong cùng ngày.

Kết luận giám định pháp y số 276/PY ngày 21/12/2015 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh B kết luận Mai Văn T1 tử vong là: Vết thương do vật sắc nhọn gây thủng gan; đứt mạch máu gây choáng mất máu không hồi phục.

Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể Trần Văn T ngày 23/12/2015 thể hiện: Mặt ngoài cánh tay trái có 01 vết xây sát da bầm tụ máu nhẹ kích thước (1,5 x 0,5) cm; mặt ngoài 1/3 cẳng tay trái có vết xây sát da kích thước (2,5 x 1,5) cm; mặt sau 1/3 giữa cẳng tay trái có 01 vết xây sát da kích thước (1,5 x 0,5) cm; mặt trước ngón 01 bàn tay phải có 01 vết xây sát da kích thước (0,5 x 0,5) cm; vùng lưng mông cách xương cột sống 11 cm về bên phải hố nách phải xuống 18 cm có 01 vết xây sát da kích thước (20 x 1,5) cm.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 49/KL-VPYTW ngày 24/01/2017 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận Trần Văn T:

Về y học: Trước, trong, sau khi gây án: Đang sự bị bệnh Rối loạn nhân cách dạng phân liệt (F60.2-ICD.10). Hiện nay: Đang sự bị bệnh Rối loạn thích ứng với phản ứng hỗn hợp lo âu trầm cảm/Rối loạn nhân cách dạng phân liệt (F43.22/F60.2-ICD.10).

Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án, đương sự bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Hiện nay: Đương sự chưa đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B ra Quyết định số 01/QĐ/KSĐT-P2 ngày 25/01/2017 áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với Trần Văn T.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần sau thời gian điều trị bắt buộc số 40/KL-VPYTW ngày 18/01/2018 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận Trần Văn T:

Bị bệnh: Rối loạn thích ứng với phản ứng hỗn hợp lo âu trầm cảm/Rối loạn nhân cách dạng phân liệt (F43.22/F60.2-ICD.10).

Hiện tại bệnh đã ổn định, không cần thiết phải điều trị bắt buộc nữa. Đương sự có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

Sau khi xảy ra sự việc, đại diện bị cáo và đại diện người bị hại đã thỏa thuận bồi thường trách nhiệm dân sự xong.

Tại Bản cáo trạng số 33/CT-VKSBD-P2 ngày 12/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đã truy tố Trần Văn T về tội “*Giết người*” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2018/HSST ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Giết người*”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, q, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/01/2018 được khấu trừ thời gian tạm giam và thời hạn bị bắt buộc chữa bệnh từ ngày 21/12/2015 đến ngày 23/01/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự; biện pháp tư pháp; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2018, bị cáo Trần Văn T có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 11/10/2018, đại diện hợp pháp của bị cáo bà Phạm Thị D có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo.

Ngày 02/10/2018, đại diện hợp pháp của người bị hại bà Mai Thị H3 có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Văn T khai nhận do bị vợ chồng ông T1, bà H3 chửi bới, đe dọa. Bà H3 dùng gạch ném, còn ông Thiều cầm vật gì không rõ chém túi bụi vào người bị cáo nên bị cáo bỏ chạy đến sạp thịt bò vớ được con dao nhưng ông T1 vẫn lao vào chém bị cáo nên bị cáo đưa tay đỡ, còn tay kia của tay lỡ trúng vào bụng của ông T1, bị cáo rút dao ra chạy vào nhà rồi nhờ người chở lên phường đầu thú. Bản án sơ thẩm phạt bị cáo 12 năm tù là quá nặng, cha của bị cáo có Huân chương chiến sĩ giải phóng, bị cáo đang bị bệnh, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, nên bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bà Phạm Thị D là người đại diện hợp pháp của bị cáo trình bày mức án của Tòa sơ thẩm xử quá nặng nên xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét người bị hại dùng vật cứng tấn công bị cáo nên bị cáo mới tự vệ chứ bị cáo không có ý thức giết người, bị cáo có quá trình nhân thân tốt, do đó hành vi của bị cáo không mang tính chất côn đồ mà bị cáo phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 của điều luật. Bị cáo đã đầu thú, tự nguyện bồi thường thiệt hại xong, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cha của bị cáo là người có công với nước, bị cáo bị hạn chế năng lực hành vi. Ngoài ra đề nghị áp dụng bổ sung thêm các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự gồm các điểm c (phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng), điểm e (phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra) và điểm k (phạm tội vì bị người khác đe dọa), nên đề nghị chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Riêng luật sư Trần Văn Chiến đề nghị chuyển sang xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 125 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xem xét bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “*Giết người*” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Quan điểm của các luật sư đề nghị xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 123 hoặc khoản 1 Điều 125 Bộ luật hình sự đều là không đúng. Bản án sơ thẩm có thiếu sót trong việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ, nhưng đã áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo và đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại đều trong hạn luật định, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định vào ngày 21/12/2015, trong lúc cãi vã, xô xát lẫn nhau, bị cáo Trần Văn T dùng dao đâm trúng bụng của ông Mai Văn T1 dẫn đến tử vong. Do đó, Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Giết người*” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/12/2015 (Bút lục 47) bị cáo Trần Văn T khai nhận: “*Người vợ lấy cà chua ném tôi tôi mới lấy gạch ném lại, người chồng thấy vậy mới cầm một cây gỗ (tôi không nhớ đặc điểm) lại đánh tôi, vợ người đàn ông dùng gạch ném tôi. Quá tức vì bị đánh nên tôi chạy lại tiệm thịt bò sát nhà lấy một con dao đâm một nhát vào*

người chồng”. Tại Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể bị cáo ngày 23/12/2015 thể hiện các dấu vết trên thân thể bị cáo chỉ là các vết xây xước da, không có vết đứt; tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo thay đổi lời khai rằng bị cáo thấy người bị hại cầm vật gì không rõ. Do vậy, đơn kháng cáo của bị cáo cho rằng người bị hại dùng dao tấn công bị cáo là không có căn cứ.

Chỉ vì xích mích nhỏ nhất trong việc để nhánh cây trên mái nhà mà đôi bên cự cãi nhau dẫn đến xô xát và bị cáo dùng dao đâm chết người, chứng tỏ bị cáo sẵn sàng dùng vũ lực để giải quyết mâu thuẫn nhỏ nhất, nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp mang tính chất côn đồ. Vì vậy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát khẳng định hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất côn đồ là phù hợp, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của các luật sư cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo không mang tính chất côn đồ.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng con người, gây đau thương tang tóc cho gia đình người bị hại, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương, cần phải xử phạt nghiêm. Bản án sơ thẩm đã cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo gồm: Tự nguyện tác động gia đình bồi thường thiệt hại, là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi, thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi, đầu thú, chưa có tiền án tiền sự, người bị hại cũng có một phần lỗi, người đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội do bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra và cha của bị cáo là người có công với nước, nhưng Bản án sơ thẩm không áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này là thiếu sót, cần phải sửa Bản án sơ thẩm để bổ sung các tình tiết giảm nhẹ này.

Tuy có bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, nhưng xét thấy Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt đã là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại và đề nghị của các luật sư, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; biện pháp tư pháp; xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo và người đại diện hợp pháp của người bị hại.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 42/2018/HSST ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh B về áp dụng tình tiết giảm nhẹ.

2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, e, q, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T (Tên gọi khác: Đ) phạm tội “*Giết người*”;

Xử phạt bị cáo Trần Văn T (Tên gọi khác: Đ) 12 (*Mười hai*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/01/2018 và được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam và thời gian bị bắt buộc chữa bệnh từ ngày 21/12/2015 đến ngày 23/01/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; biện pháp tư pháp; xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC
- Viện Trưởng VKSNDTC
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B;
- Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh N, tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Trại tạm giam Công an tỉnh B
(Trại tạm giam Công an tỉnh B tổng đạt
cho bị cáo;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

